TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ---------- Số: 196/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------***---------- *Long Biên, ngày 23 tháng 5 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 39; Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án HNGĐ thụ lý số: 452/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc "*Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn*".

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lương Trường S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T. Sinh năm 1982

Địa chỉ: khu đô thị X huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

Bị đơn: Ông L- ơng Tr- ờng S. Sinh năm 1969

HKTT: Số 37 ngách 6/6 phố A, ph- ờng Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lương Trường S xác nhận tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là:

Nhà, đất thuộc thửa 121-1 tờ bản đồ số 09 diện tích 140m^2 tại địa chỉ tổ 7 ph- ờng Thạch Bàn, thửa đất đã đ- ợc cấp GCNQSDĐ số AN 478417, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1394, số QĐ 339/QĐ -UBND/2009, MS: 10127091869 do UBND quận Long Biên cấp ngày 26.2.2009 tên chủ sử dụng là L- ơng Tr- ờng Sơn và Nguyễn Thị Thanh Thùy.

Ngoài tài sản trên, trong thời kỳ hôn nhân ông bà không có tài sản chung nào khác.

3.2. Bà T và ông S thống nhất thỏa thuận toàn bộ các vấn đề sau:

*3.2.1.*Ông L- ơng Tr- ờng S đ- ợc toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt phần diện tích nhà, đất nh- sau: Thửa 121-1(2) diện tích 70,5m^2 trên đất có nhà bê tông 3 tầng, có vị trí:

Phía đông giáp: Hộ ông L- ơng Đình D

Phía tây giáp: Phần nhà bà T đang quản lý

Phía nam giáp: Phần đất trống hộ nhà ông B

Phía bắc giáp: Ngõ đi chung

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T đ- ợc toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt phần diện tích nhà, đất nh- sau: Thửa 121-1(1) diện tích 69,5m^2 trên đất có nhà bê tông 3 tầng, có vị trí:

Phía đông giáp: Phần nhà ông S đang quản lý

Phía tây giáp: Hộ ông B

Phía nam giáp: Phần đất trống hộ nhà ông Bỉnh

Phía bắc giáp: Ngõ đi chung

Nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích đất của ai ng- ời đó đ- ợc sở hữu, sử dụng, ông S, bà T đã tự bàn giao mốc giới cho nhau xong (*Có sơ đồ phân chia kèm theo).*

3.2.2. Hai bên cùng đến ngân hàng BIDV chi nhánh Hoàn Kiếm để thanh lý hợp đồng thuê két số 664/HĐ-TK ngày 20.5.2015 giữa Ngân hàng TMCP đầu t- và phát triển Vệt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm và ông L- ơng Tr- ờng S, bà Nguyễn Thị Thanh T để lấy GCNQSDĐ số AN 478417, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1394, số QĐ 339/QĐ -UBND/2009, MS: 10127091869 do UBND quận Long Biên cấp ngày 26.2.2009 tên chủ sử dụng là L- ơng Tr- ờng S và Nguyễn Thị Thanh T để

liên hệ với cơ quan Nhà n- ớc có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa đứng tên ông Sơn, bà T. Hai bên có trách nhiệm cung cấp cho nhau những giấy tờ hồ sơ mà cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khi đăng ký tách thửa: Sổ hộ khẩu, CMTND, giấy đăng ký kết hôn (nếu có), giấy xác nhận tình trạng hôn nhân… để hoàn thành việc đăng ký quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất theo quy định pháp luật.

3.2.3. Hai bên thống nhất sau khi tách GCNQSDĐ thành hai thửa riêng biệt để hai bên tự quản lý, sử dụng, định đoạt, ông Sơn, bà T không còn liên quan đến bất cứ vấn đề gì về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Tr- ờng hợp hai bên thực hiện đúng các thỏa thuận nêu trên, bà T cam kết không khiếu kiện, tranh chấp gì nữa để tạo sự ổn định cho cả hai bên và các con chung.

3.2.4. Hai bên xác nhận ngôi nhà trên đất mà ông S, bà T đang quản lý có móng chung. Khi có nhu cầu sửa chữa, xây dựng lại nhà trên thửa đất đ- ợc phân chia, hai bên có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn xây dựng, không ảnh h- ởng đến công trình kiến trúc của bên kia.

3.2.5. Tài sản nhà đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông S, bà T nêu tại mục 1 không liên quan gì đến công ty cổ phần Công nghệ cao Y (nay đ- ợc đổi tên thành Công ty cổ phần liên doanh sơn W).

3.2.6. Xác nhận các cổ phần, vốn góp tại các doanh nghiệp của ông Lương Trường S và lợi nhuận, lợi tức của các tài sản đó sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng của ông Sơn. Bà T không có bất kỳ quyền lợi, nghĩa vụ nào đối với các tài sản trên.

3.2.7. Bà Thùy xác nhận không còn quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến các công ty mà ông Sơn và bà Thùy đứng tên đại diện theo pháp luật hoặc góp vốn, cổ phần trong thời kỳ hôn nhân.

3.3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 24.467.486đ (*Hai mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*) án phí HNGĐ sơ thẩm được trừ vào số tiền bà T đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005727 và 0005728 ngày 25/7/2017 là 13.120.000đ (*Mười ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*) và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền bà T còn phải nộp là 11.047.486đ (Mười một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

- Ông Lương Trường S phải chịu 24.804.990đ (*Hai mươi tư triệu tám trăm linh tư nghìn chín trăm chín mươi đồng*) án phí HNGĐ sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận
-VKS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
Thẩm phán

Tô Thanh Phong